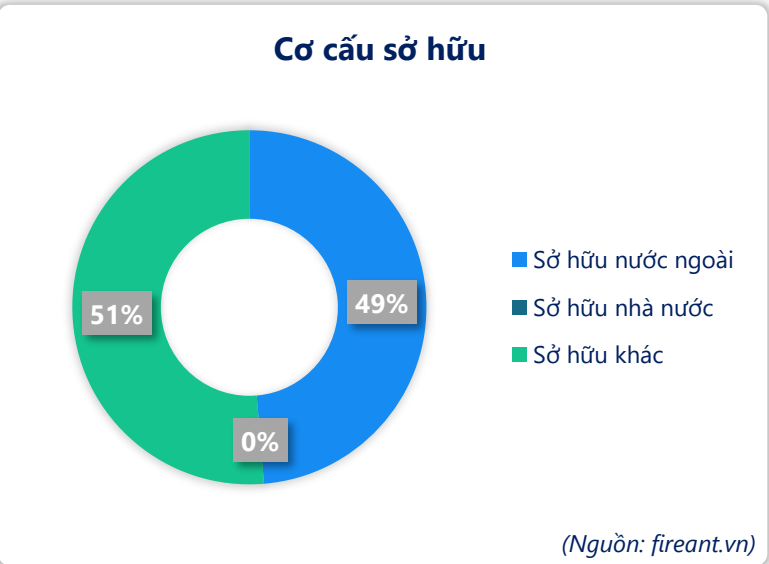
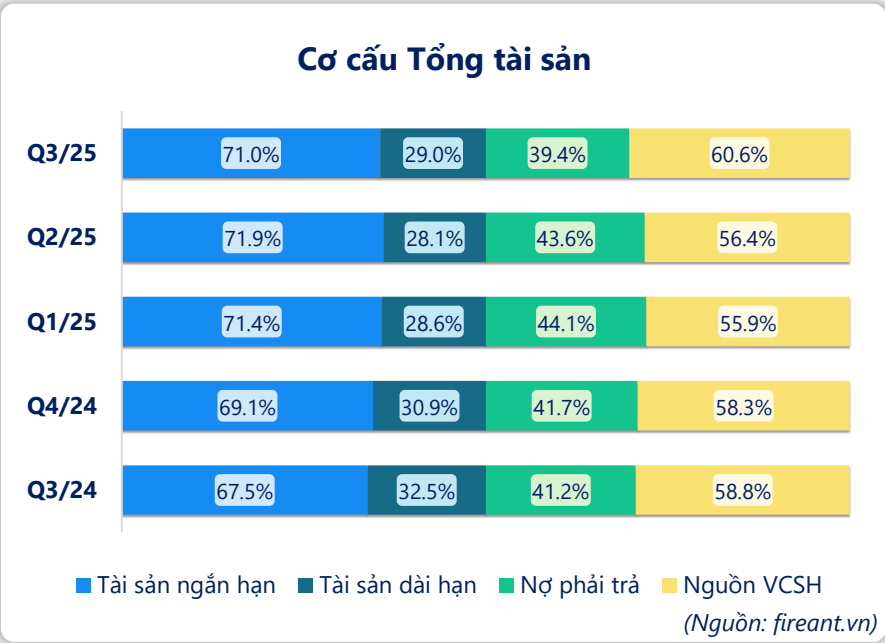
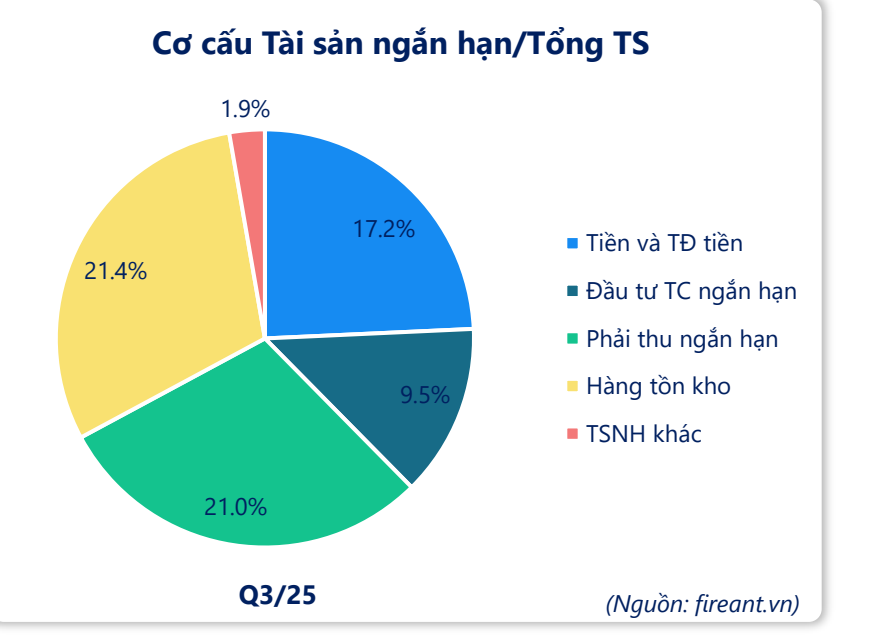
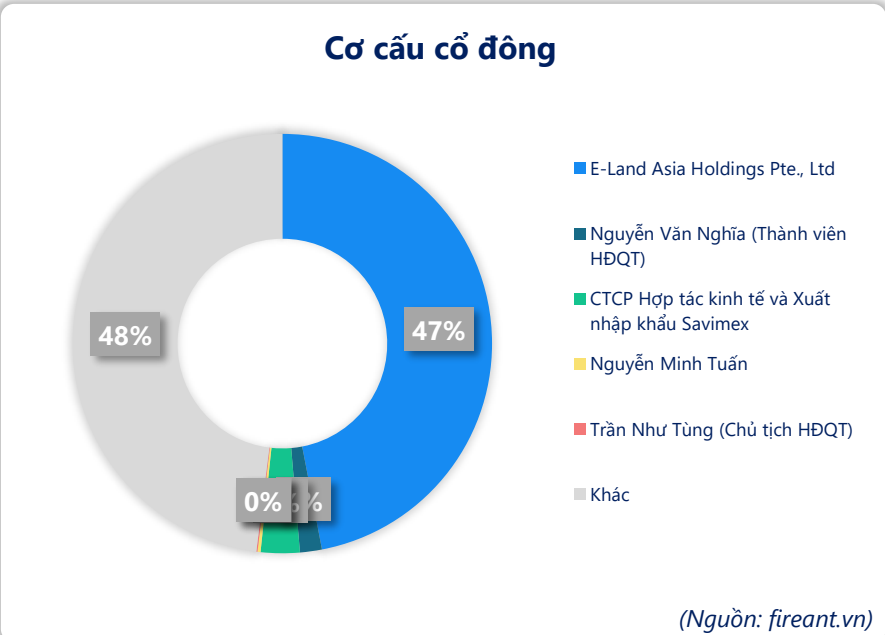
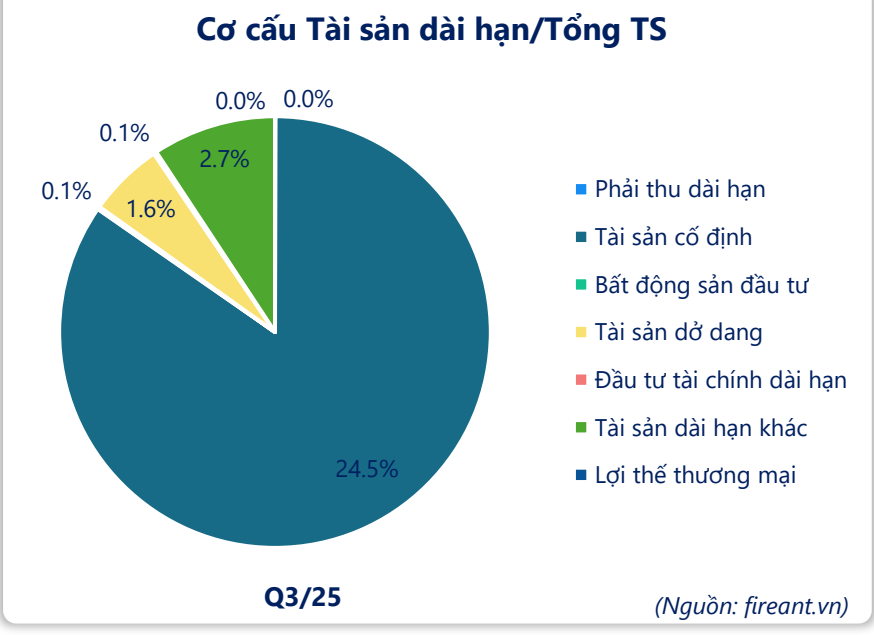
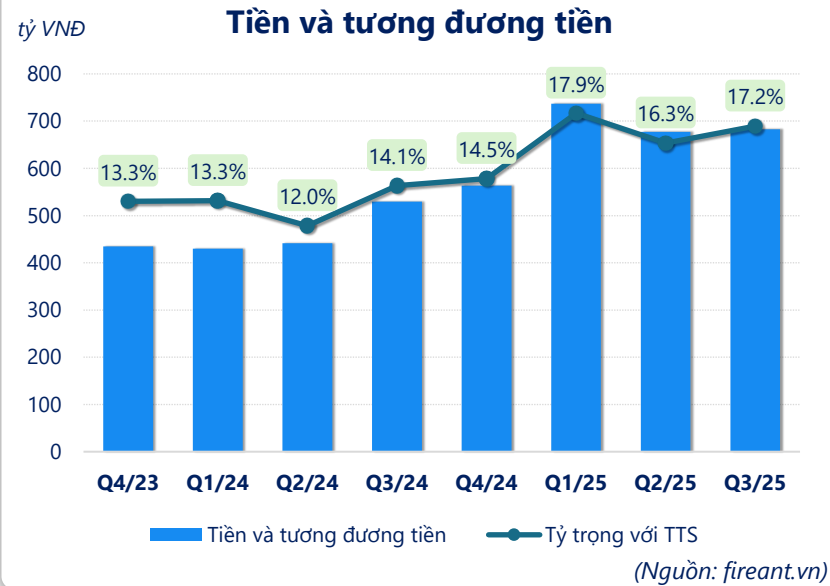
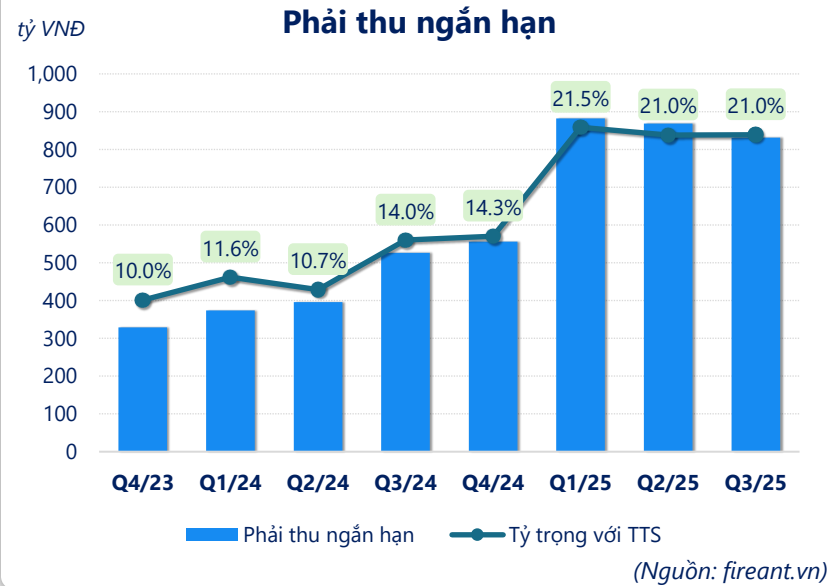
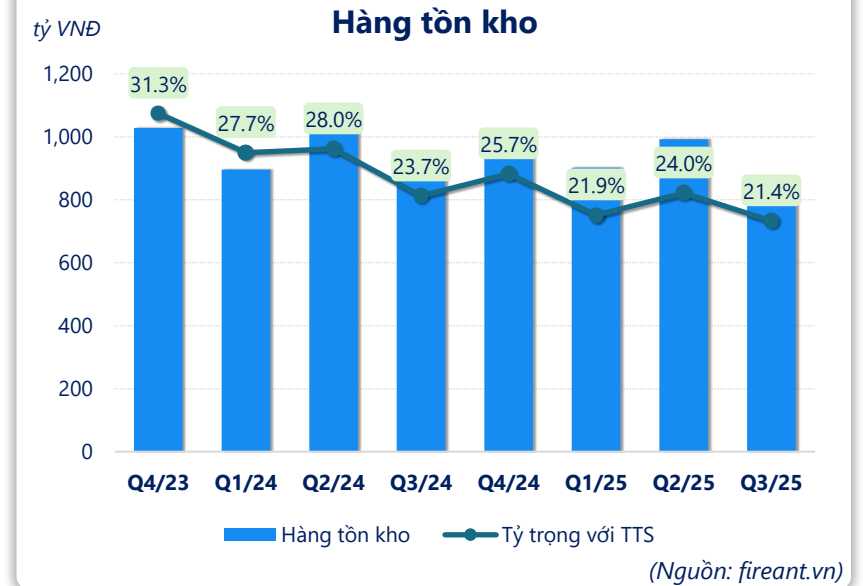
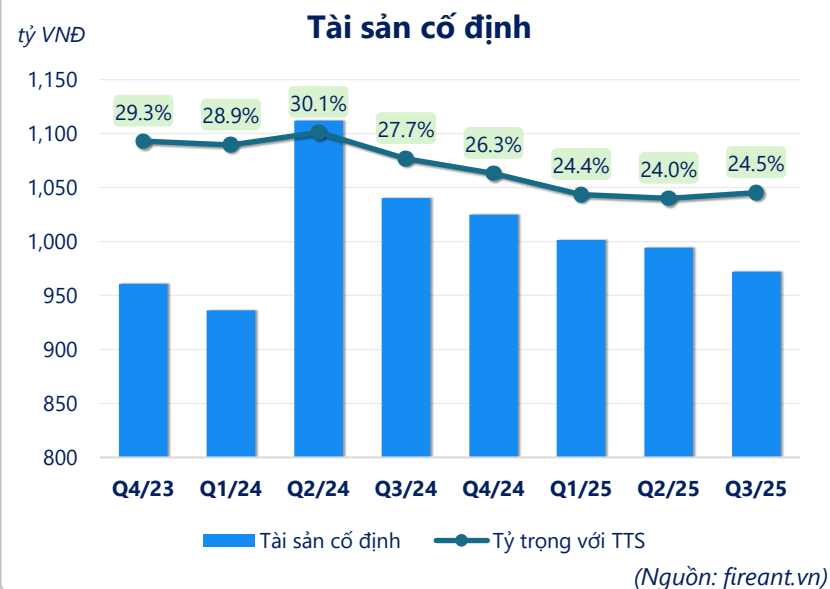
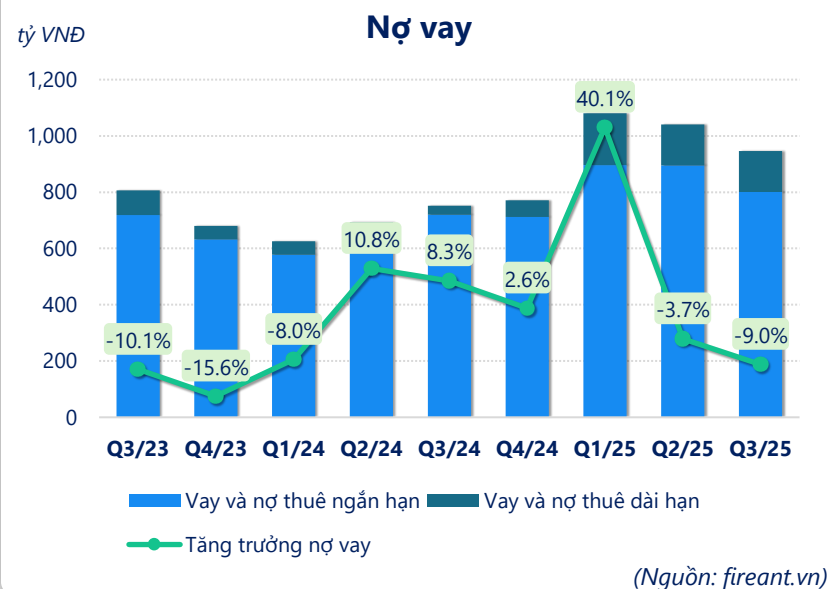
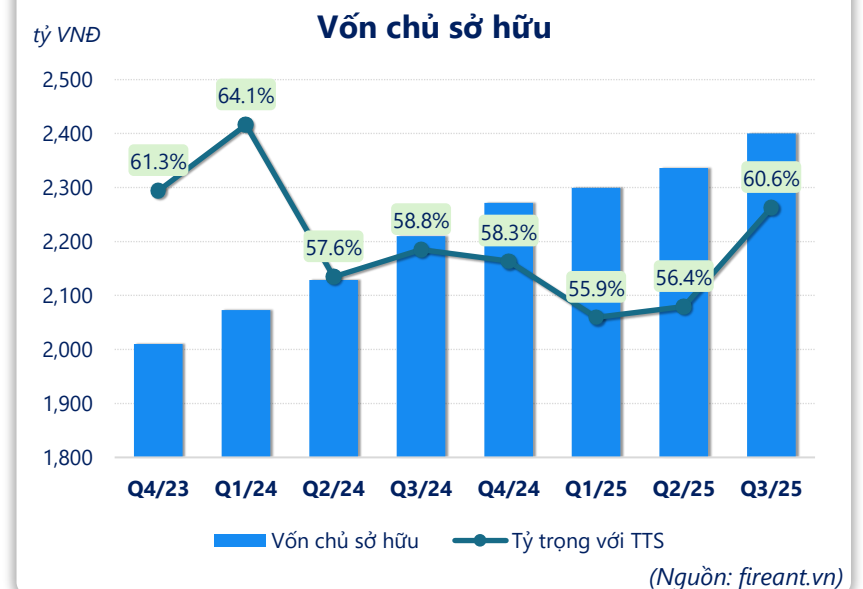
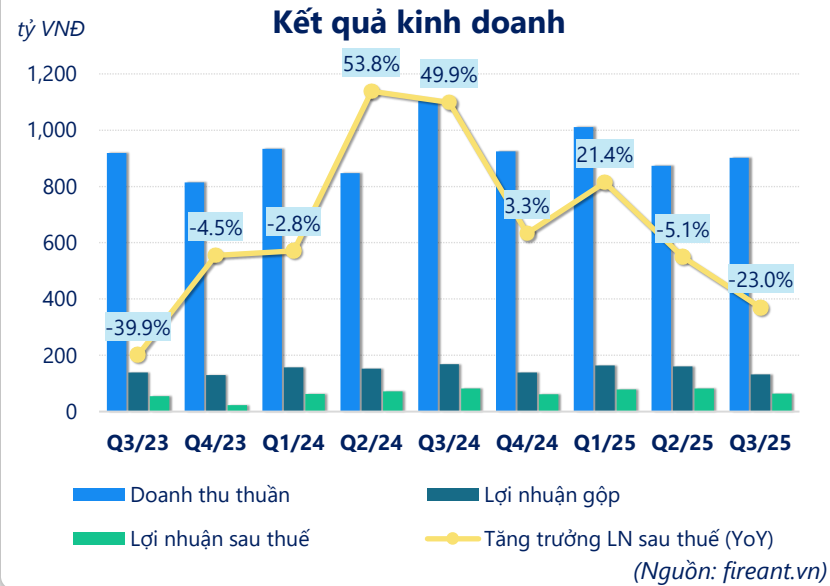
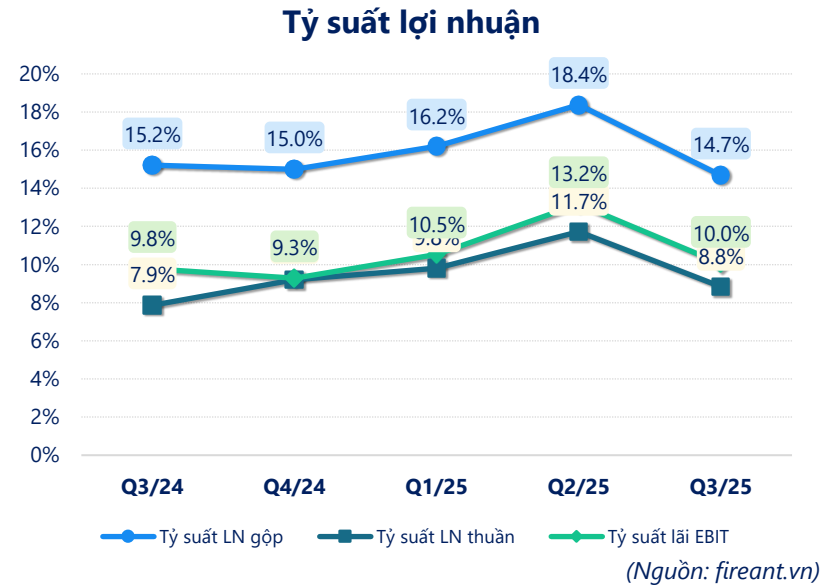
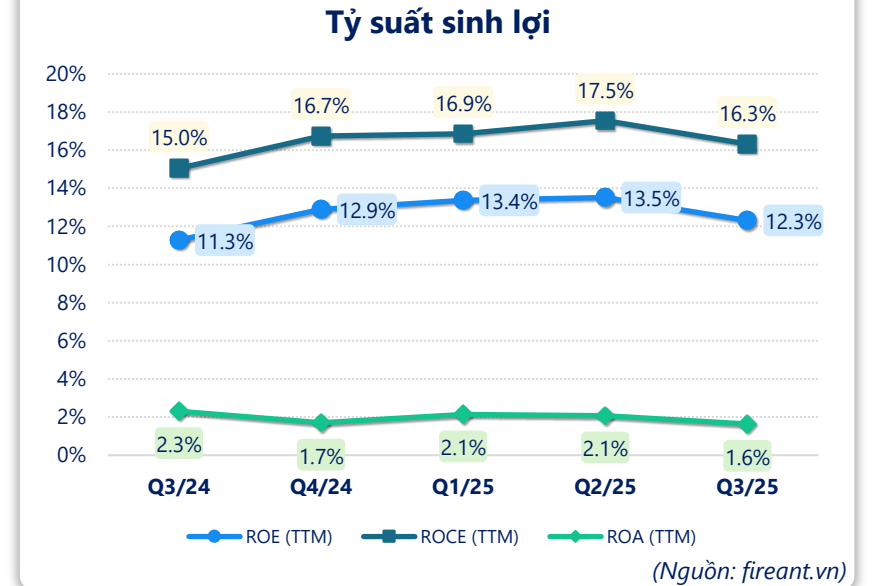
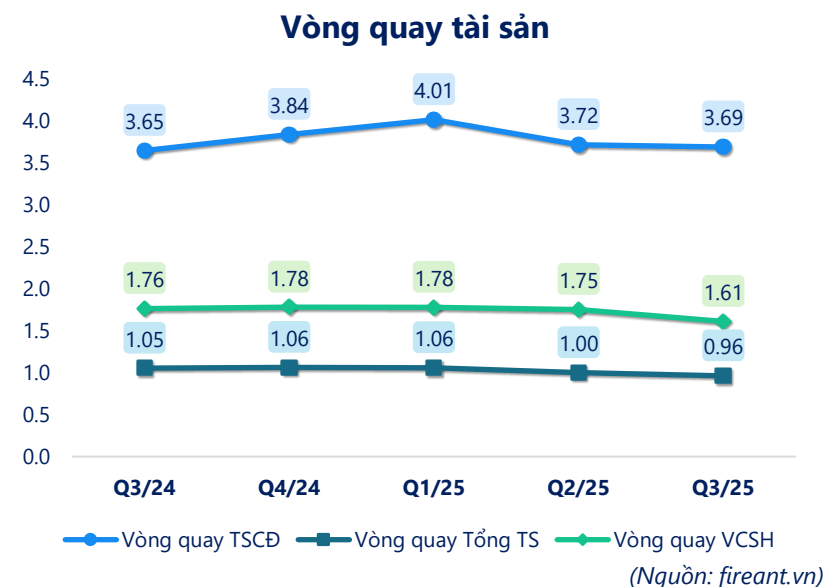
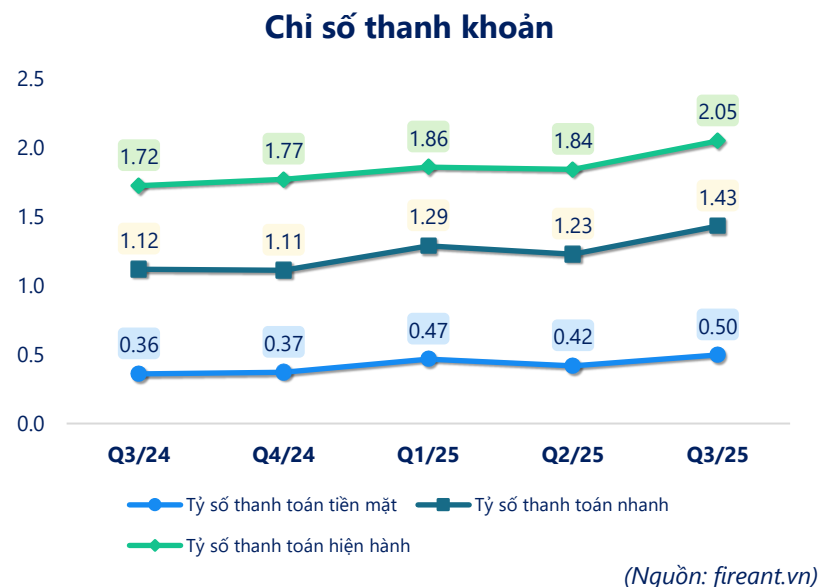
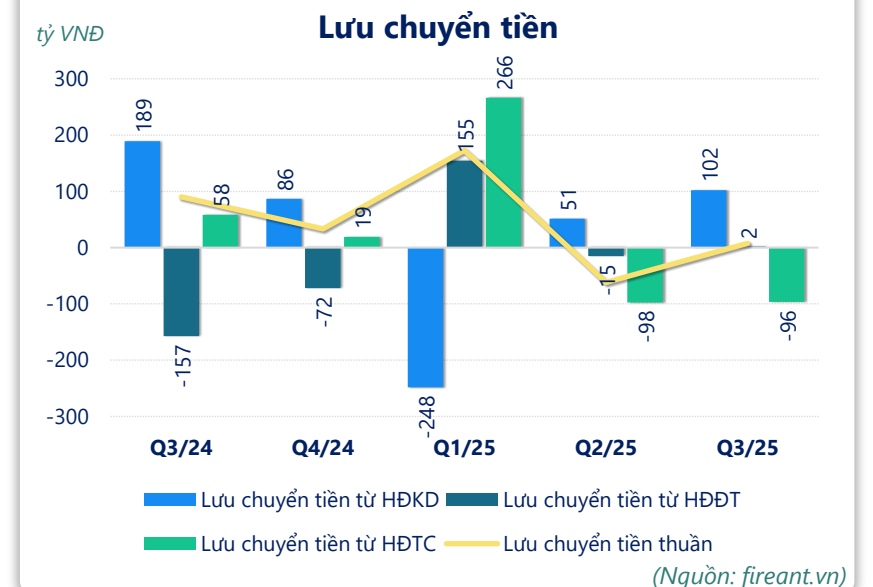


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,870
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,273
SL cổ phiếu LH		112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,696,100
% sở hữu nước ngoài		48.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,311
P/E		11.7
EPS		2,535

	YTD	1T	3T	6T
TCM	-31.2%	-1.7%	-7.7%	-12.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,962	3,896	1.7%
Tài sản ngắn hạn	2,814	2,690	4.6%
Tiền và tương đương tiền	683	563	21.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	375	533	-29.6%
Phải thu ngắn hạn	831	556	49.6%
Hàng tồn kho	847	1,003	-15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	77.2	35.2	119%
Tài sản dài hạn	1,149	1,205	-4.7%
Phải thu dài hạn	0.49	0.36	35.6%
Tài sản cố định	972	1,025	-5.2%
Bất động sản đầu tư	2.26	2.31	-2.3%
Tài sản dở dang	64.9	65.9	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.36	4.81	-51.0%
Tài sản dài hạn khác	107	107	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,562	1,624	-3.8%
Nợ ngắn hạn	1,373	1,518	-9.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	801	712	12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	255	479	-46.6%
Nợ dài hạn	189	106	78.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	145	59.6	144%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,400	2,272	5.7%
Vốn chủ sở hữu	2,400	2,272	5.7%
Vốn điều lệ	1,121	1,020	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,105	925	1,011	873	902
Giá vốn hàng bán	937	786	847	713	770
Lợi nhuận gộp	168	139	164	160	132
Doanh thu HĐTC	16.2	26.1	23.9	26.5	27.7
Chi phí TC	22.4	13.9	15.1	19.5	14.0
Chi phí lãi vay	5.78	7.55	8.38	12.5	10.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	-0.09
Chi phí bán hàng	38.1	37.2	34.6	35.0	32.9
Chi phí QLDN	36.8	28.6	38.8	30.1	33.3
LN thuần từ HĐKD	86.9	85.1	99.1	102	79.8
Lợi nhuận khác	15.3	-6.77	-1.05	0.14	0.09
LN trước thuế	102	78.3	98.1	102	79.8
Lợi nhuận sau thuế	81.5	61.7	78.6	82.0	64.0
LNST của CĐ cty mẹ	81.1	60.9	78.3	81.4	63.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	86.5	-248	51.3	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-157	-72.1	155	-15.4	1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.3	18.9	266	-97.6	-96.4
Tiền đầu kỳ	442	530	563	737	677
Lưu chuyển tiền thuần	90.1	33.2	173	-61.7	7.51
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.16	0.56	0.63	2.16	-1.69
Tiền cuối kỳ	530	563	737	677	683

(Nguồn: fireant.vn)